

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 840/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 27 tháng 6 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt kết quả điều tra theo dõi, đánh giá nước sạch
và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Hà Nam năm 2011
theo Bộ chỉ số ban hành theo Quyết định số 51/2008/QĐ-BNN**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 51/2008/QĐ-BNN ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Bộ chỉ số theo dõi - giám sát đánh giá nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

Theo Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch hỗ trợ rà soát, bổ sung thu thập số liệu bộ tiêu chí và thực hiện chương trình quản lý chất lượng nước sinh hoạt nông thôn năm 2011;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 87/TTr-SNN-NS&VSMT ngày 20 tháng 6 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả điều tra theo dõi, đánh giá nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Hà Nam năm 2011 theo Bộ chỉ số ban hành theo Quyết định số 51/2008/QĐ-BNN (gồm 14 chỉ số), cụ thể như sau:

1. Chỉ số cấp ngành (8 chỉ số):
 - a) Chỉ số 1: Tỷ lệ dân số của tỉnh sử dụng nước hợp vệ sinh: 73,63%.
 - b) Chỉ số 2: Tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước đáp ứng theo QCVN 02: 2009/BYT: *(Do nguồn kinh phí hỗ trợ hạn chế nên chưa thực hiện được chỉ số này)*.
 - c) Chỉ số 3: Tỷ lệ trường học có nước và nhà tiêu hợp vệ sinh: 85,9%.
 - d) Chỉ số 4: Tỷ lệ trạm y tế có nước và nhà tiêu hợp vệ sinh: 86,4%.
 - e) Chỉ số 5: Tỷ lệ công trình công cộng (chợ, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn) có nước và nhà tiêu HVS: 86,9%.
 - f) Chỉ số 6: Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh: 54,58%.
 - g) Chỉ số 7: Tỷ lệ hộ gia đình có chuồng trại chăn nuôi gia súc hợp vệ sinh: 51,10%.
 - h) Chỉ số 8: Tỷ lệ làng nghề có hệ thống xử lý nước thải, rác thải: 32,25%.